

Số: 26/KH-ĐTH

Hồng Bàng, ngày 20 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH
Thu – Chi tài chính năm học 2024-2025

A. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.
2. Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
3. Nghị định 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư 04/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục
4. Nghị định 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập.
5. Các Thông tư của Bộ tài chính: số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP; số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và các văn bản khác liên quan; Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 18/6/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2024-2026;
6. Các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào Tạo về việc ban hành Điều lệ

Ban đại diện cha mẹ học sinh; Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục quốc dân; Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 16/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 Ban hành quy định về dạy thêm, học thêm; Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động ngoài giờ chính khóa; Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

7. Công văn số 2179/BGDĐT-KHTC ngày 13/5/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025.

8. Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi Điều 3 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

9. Công văn số 3417/VP-VX ngày 23/5/2024 của UBND thành phố về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025.

10. Hướng dẫn số 86/HĐLS-GDĐT-STC ngày 25/01/2024 hướng dẫn Liên Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Tài chính về Thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi Điều 3 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố; Hướng dẫn số 1044/HĐLS-GDĐT-STC ngày 19/8/2024 hướng dẫn Liên Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Tài chính về thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm học 2024-2025.

11. Công văn số 2533/SGDĐT-KHTC ngày 22/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025.

12. Kế hoạch Liên ngành số 125-KH/LN ngày 29/8/2023 của Thành đoàn và Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai phong trào “Kế hoạch nhỏ” giai đoạn

2023 - 2027.

13. Công văn số 376/UBND-GDDT ngày 17/02/2024 của UBND quận Hồng Bàng về việc hướng dẫn thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố.

14. Công văn số 298/BHXXH-BPST ngày 12/8/2024 của bảo hiểm xã hội quận Hồng Bàng về việc triển khai công tác thu BHYT học sinh, sinh viên năm học 2024-2025.

15. Công văn số 2485/UBND-GDDT ngày 17/9/2024 của UBND quận Hồng Bàng về việc thực hiện các khoản thu, chi năm học 2024-2025 trong các cơ sở giáo dục thuộc quận.

B. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- Nhằm thực hiện đúng quy định về quản lý tài chính, thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính trong nhà trường
- Cân đối các nguồn kinh phí đảm bảo đúng nguyên tắc thu chi tài chính và đảm bảo duy trì tốt mọi hoạt động trong nhà trường.
- Đảm bảo công khai minh bạch các khoản thu, chi trong nhà trường.

C. NỘI DUNG

I. Thu các khoản theo quy định

1. Bảo hiểm y tế

1.1. Đối tượng thu: HS toàn trường (trừ HS là con công an, bộ đội, hộ nghèo)

1.2. Mức thu:

* Học sinh lớp 1:

- Sinh từ ngày 02/12/2018 đến 31/12/2018 thu mức phí 12 tháng: 884.520đ
- Sinh từ ngày 02/11/2018 đến 01/12/2018 thu mức phí 13 tháng: 958.230đ
- Sinh từ 02/10/2018 đến 01/11/2018 thu mức phí 14 tháng: 1.031.940đ
- Sinh từ 01/01/2018 đến 01/10/2018 thu mức phí 15 tháng: 1.105.650đ

* Học sinh khối 2,3,4,5: thu theo mức 884.520đ /HS/12 tháng

1.3. Nội dung chi: Nộp 100% số tiền thu về BHXH Quận Hồng Bàng

2. Quỹ vòng tay bè bạn

2.1. Đối tượng vận động: Học sinh khối 1,2,3,4,5

2.2. Mức thu: Học sinh thu gom phế liệu, phế phẩm (giấy vụn, vỏ lon bia..)

Đóng góp sản phẩm trị giá tương đương 9 kg giấy/1 học sinh/năm học.

(Tương ứng với 30.000 đồng/HS/năm học)

2.3. Nội dung chi:

+ 12,5% Nộp quận đoàn

Hồng Bàng Quận

- + 12,5% Trích nộp về thành phố
- + 75% CSVC, hoạt động công tác đội...

II. Các khoản thu dịch vụ và thỏa thuận với cha mẹ học sinh thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục học sinh

1. Khoản thu phục vụ tổ chức bán trú

1.1. Tiền ăn bán trú (đã bao gồm chất đốt)

- Đối tượng thu: Học sinh đăng ký ăn bán trú tại trường.
- + Mức thu: 30.000đ/học sinh/ ngày (Gồm bữa chính và bữa phụ)
- Dự kiến thu: 1700 học sinh.
Thu theo bữa ăn thực tế/tháng
- Nội dung chi:
 - + 100% chi lương thực, thực phẩm, chất đốt,...

1.2. Hỗ trợ chăm nuôi bán trú

- Đối tượng thu: Học sinh đăng ký ăn bán trú tại trường
- Mức thu: 150.000 đồng/tháng (Thu theo tháng)
- Dự kiến thu: 1700 học sinh.
- Nội dung chi:
 - + 40% chi trả nhân viên nấu ăn.
 - + 50,8% chi trả giáo viên, nhân viên trông trưa, phục vụ cho học sinh ăn bán trú tại trường.
 - + 1,2% nộp thuế thu nhập doanh nghiệp
 - + 8% chi quản lý tại trường.

2. Dạy tiếng Anh tự chọn

- 2.1. Đối tượng thu: Học sinh khối 1,2 (Trừ HS lớp Pháp)
- 2.2. Mức thu: 120.000 đồng/tháng (Thu theo tháng)
- 2.3. Tổng mức dự tính: 600 học sinh
- 2.4. Nội dung chi:
 - + 80% nộp trả Trung tâm dạy.
 - + 4,6% chi hỗ trợ CSVC, hoạt động dạy học Tiếng Anh
 - + 5% chi quản lý tại trường
 - + 0,4% nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% của 20% số tiền chi tại trường)
 - + 10% quỹ phúc lợi

3. Tiếng Anh giáo viên người nước ngoài

- 3.1. Đối tượng thu: Học sinh đăng ký tự nguyện tham gia
- 3.2. Mức thu: 40.000 đ/tiết (Thu theo tháng và theo số tiết thực học)

3.3. Tổng mức thu dự tính: 1504 HS

3.4. Nội dung chi:

+ 85% nộp trả Trung tâm

+ 8% chi quản lý tại trường

+ 2% chi hỗ trợ CSVC, hoạt động dạy học môn Tiếng Anh

+ 4,7% quỹ phúc lợi

+ 0,3% nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% thuế TNDN của 15% số tiền chi tại trường)

4. Hoạt động trải nghiệm Stem

4.1. Đối tượng thu: Học sinh đăng ký tự nguyện tham gia

4.2. Mức thu: 31.250 đ/tiết (*Thu theo tháng và theo số tiết thực học*)

4.3. Tổng mức thu dự tính: 800 HS

4.4. Nội dung chi:

+ 85% nộp trả Công ty

+ 8% chi quản lý tại trường

+ 2% chi hỗ trợ CSVC, điện, nước.

+ 4,7% quỹ phúc lợi

+ 0,3% nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% thuế TNDN của 15% số tiền chi tại trường)

5. Kỹ năng công dân số

5.1. Đối tượng thu: Học sinh đăng ký tự nguyện học

5.2. Mức thu: 21.500 đồng/tiết (*Thu theo tháng và theo số tiết thực học*)

5.3. Tổng số HS: 300 HS

5.4. Nội dung chi:

+ 85% Nộp trả Công ty

+ 8% chi quản lý tại trường

+ 2% chi hỗ trợ CSVC, điện, nước.

+ 4,7% quỹ phúc lợi

+ 0,3% nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% thuế TNDN của 15% số tiền chi tại trường)

6. Quản lý học sinh ngoài giờ hành chính

6.1. Đối tượng thu: Học sinh đăng ký tự nguyện tham gia

6.2. Mức thu: 10.000 đồng/HS/1 tiếng (*Thu theo tháng và theo số giờ thực quản lý*)

6.3. Tổng mức thu dự tính: 1750 HS

6.4. Nội dung chi:

- + 70% chi giáo viên dạy
- + 15% chi quản lý tại trường
- + 1% chi trực tiếp cho người phục vụ công tác quản lý học sinh ngoài giờ
(Nhân viên trực, tổng phụ trách, lao công, ...)
- + 12% quỹ phúc lợi, khen thưởng
- + 2% nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

7. Nước uống tinh khiết

Thu:

7.1. Đối tượng thu: Học sinh khối 1,2,3,4,5 (trừ học sinh khó khăn, chính sách)

7.2. Mức thu: 10.000 đồng/tháng (*Thu theo từng học kỳ*)

7.3. Tổng mức thu: 10.000 đ/HS/ tháng x 1784 HS x 9 tháng = 160.560.000đ

Chi:

- 95% chi cho công ty cung cấp nước sạch.
- 5% chi hỗ trợ điện, nước.

8. Dạy học 2 buổi ngày

8.1. Đối tượng thu: Học sinh toàn trường.

8.2. Mức thu: 30.000/tháng (*Thu theo tháng*)

8.3. Tổng số HS: 30.000 x 1784 HS x 9 tháng = 481.680.000đ

8.4. Nội dung chi:

- + 100% chi hỗ trợ cơ sở vật chất, điện, nước.

9. Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú

9.1. Đối tượng thu: Học sinh khối 1,2,3,4,5 đăng ký ăn bán trú tại trường.

9.2. Mức thu:

- Khối 1: 360.000 đồng/HS/năm học (*Thu theo năm học*)
- Khối 2,3,4,5: 200.000 đồng/HS/năm học (*Thu theo năm học*)

9.3. Tổng số học sinh:

- Khối 1: 360.000 x 290 HS = 104.400.000đ
- Khối 2,3,4,5: 200.000 x 1.410 HS = 282.000.000đ

9.4. Nội dung chi:

- + 100% chi cho mua sắm bổ sung CSVCS phục vụ công tác bán trú.

III. Các khoản thu dịch vụ

1. Tiền dịch vụ trông xe

1.1. Đối tượng thu: Phụ huynh đăng ký gửi xe

1.2. Mức thu: 35.000 đồng/tháng (*Thu đủ bù chi, theo thoả thuận và thu theo tháng*)

1.3. Tổng mức thu: 35.000 đ x 1000 HS x 9 tháng = 315.000.000 đ

1.4. Nội dung chi:

- + 10% nộp thuế dịch vụ coi xe.
- + 1% chi hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho công việc trông xe.
- + 89% chi trả cho người trực tiếp coi xe, bồi dưỡng thanh niên trực an toàn giao thông, phân luồng, sắp xếp các phương tiện giao thông đầu giờ và cuối giờ học.

IV. Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh

Thực hiện theo Điều 10 tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh.

- Trưởng ban Ban Đại diện cha mẹ học sinh lớp chủ trì phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp dự kiến kế hoạch chi tiêu kinh phí được ủng hộ, tài trợ và chi sử dụng sau khi đã được toàn thể các thành viên Ban Đại diện cha mẹ học sinh lớp thống nhất ý kiến.

- Ban đại diện cha mẹ học sinh chỉ thu các khoản phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh, do cuộc họp đầu năm học của cha mẹ học sinh quyết định. Việc thu, chi kinh phí của Ban Đại diện cha mẹ học sinh phải bảo đảm nguyên tắc công khai, dân chủ; sau khi chi tiêu phải báo cáo công khai quyết toán kinh phí tại các cuộc họp toàn thể cha mẹ học sinh lớp và các cuộc họp toàn thể Ban Đại diện cha mẹ học sinh trường. Không quy định mức kinh phí ủng hộ bình quân cho các cha mẹ học sinh.

C. TỔ THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

- Chịu trách nhiệm quản lý thu, chi theo đúng văn bản quy định của các cấp, các ngành; Đảm bảo quy trình thủ tục các khoản thu, chi tài trợ. Quản lý, sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích, công khai minh bạch các khoản thu trong nhà trường.

2. Trách nhiệm của Kế toán

- Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán tài chính trong đơn vị.
- Lập báo cáo tài chính hàng quý, năm.
- Chịu trách nhiệm tham mưu xây dựng kế hoạch thu chi, quy chế chi tiêu nội bộ nhà trường; Giám sát, hướng dẫn các bộ phận trong nhà trường thực hiện đúng thủ tục, đúng quy định công tác thu, chi tài chính trong nhà trường.
- Báo cáo tài chính công khai trong hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động.

3. Trách nhiệm của Thủ Quỹ

- Giúp Hiệu trưởng quản lý tất cả các nguồn quỹ trong nhà trường theo đúng nguyên tắc tài chính.
- Thu chi phải cập nhật kịp thời; hàng tháng phải kiểm kê quỹ để báo cáo cho hiệu trưởng; quyết toán hàng quý, hàng năm chính xác, kịp thời. Báo cáo với hiệu trưởng, kế toán số quỹ còn lại khi có yêu cầu.
- Chỉ được phép chi khi có ký duyệt của Hiệu trưởng và Kế toán (tất cả các nguồn quỹ).
- Tham gia thu các loại quỹ; Thống kê, báo cáo tiến độ thu hàng tháng cho hiệu trưởng và kế toán.

4. Giáo viên chủ nhiệm

- Gửi giấy báo các khoản thu tới phụ huynh học sinh.
- Đôn đốc PHHS hoàn thành các khoản thu trong tháng.

Nơi nhận:

- UBND quận;
- Phòng KH - TC quận;
- Phòng GD&ĐT quận;
- BGH
- Các tổ CM, bộ phận;
- Lưu: VT.



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHÒNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Thị Vân Anh



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Văn Thọai



PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Thị Vân